

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2023/HNGĐ – ST**

Ngày: 18/9/2023

V/v: *Không công nhận vợ chồng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 168/2023/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Ma Thị H**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đ. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- **Bị đơn:** Ông **Lê Minh C**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đ. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Ma Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Lê Minh C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do cả hai bất đồng quan điểm sống, ông C không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình nên vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Đến tháng 9/2019 mâu thuẫn trầm trọng, ông C đã bỏ đi khỏi địa phương từ đó cho đến nay.

Bà H đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông C mất tích, đã được Tòa án thụ lý giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VDS ngày 13/5/2022 tuyên bố ông Lê Minh C mất tích.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà Hoàn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có 02 con chung là Lê Thị Bích H, sinh ngày 05/12/2007 và Lê Minh B, sinh ngày 03/3/2016, từ khi ly thân đến nay con chung đều sống cùng bà H, do đó sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Lê Minh C đã được Tòa án nhân dân huyện E niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện E đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ma Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Minh C vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự. Bà Ma Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C. Bà H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị Bích H, sinh ngày 05/12/2007 và Lê Minh B, sinh ngày 03/3/2016 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con đồng thời không yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung không đề nghị tòa án giải quyết.

***\* Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị H. Không công nhận bà Ma Thị H và ông Lê Minh C là vợ chồng..

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Bích H, sinh ngày 05/12/2007 và Lê Minh B, sinh ngày 03/3/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Bà Ma Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện E giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Lê Minh C, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E.

*Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự:* Tòa án nhân dân huyện E đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Ma Thị H và ông Lê Minh C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo bà H xác định trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được và ông C đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2019 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông Lê Minh C.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định bà Ma Thị H và ông Lê Minh C không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của bà H và ông C là gì, không báo chính quyền địa phương nhưng ông C và bà H đã không sống chung với nhau từ khi ông C bỏ đi khỏi địa phương năm 2019 cho đến nay. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ đã tuyên bố ông Lê Minh C là mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VDS ngày 13/5/2022. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14 và Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 BLDS để tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Ma Thị H và ông Lê Minh C. Về con chung và tài sản chung cần áp dụng Điều 15 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

*Về con chung:* Bà H và ông C có hai con chung là Lê Thị Bích H, sinh ngày 05/12/2007 và Lê Minh B, sinh ngày 03/3/2016.

Tại bản tự khai, Lê Thị Bích H và Lê Minh B có nguyện vọng được ở với mẹ là Ma Thị H. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, con chung Lê Thị Bích H và Lê Minh B đã sống với bà H từ nhỏ cho đến nay. Để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Lê Thị Bích H và Lê Minh B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Về trợ cấp nuôi con:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

*Về tài sản chung và công nợ:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

**[3]Về án phí:** Bà Ma Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Hoàn thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 14, 15, 16, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự

- Căn cứ Khoản 4 Điều 3 [Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Thị H.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ma Thị H và ông Lê Minh C là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Bích H, sinh ngày 05/12/2007 và Lê Minh B, sinh ngày 03/3/2016 cho bà Ma Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Lê Minh C được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Ma Thị H thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Đă
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Nhã Phương**